

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 02 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Văn

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX- ST ngày 24 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Hồng T, sinh năm 1985 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đệ H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn C, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp QC, xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

+ Ngân hàng ĐA, chi nhánh thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2 quốc lộ A, phường A, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Lê Hồng T trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Hồng T và anh Nguyễn Đệ H tổ chức đám cưới vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống riêng tại ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. Khoảng năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường hay nhậu dẫn đến cự cãi, đánh nhau giữa chị và anh H. Gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn cho anh chị nhưng không thành. Chị T và anh H đã ly thân từ ngày 24/9/2017 ãl cho đến nay.

Nay xét thấy anh chị không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 27/11/2004 và Nguyễn Cường N, sinh ngày 09/02/2009. Cháu P hiện đang do anh H nuôi dưỡng, cháu N hiện đang ở với cha mẹ ruột của anh H. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi các con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Tuy nhiên, nếu con có nguyện vọng sống với anh H thì chị cũng đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản 120 công tọa lạc ấp LHT, xã TT, huyện ĐD do anh H đứng tên quyền sử dụng và 01 căn nhà tiền chế ngang 6m, dài 20m trị giá khoảng 50.000.000 đồng.

Khi ly hôn, chị và anh H tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác*: Vào năm 2015 mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn C đứng tên cầm cố tại Ngân hàng ĐA chi nhánh thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu để vay số tiền 80.000.000 đồng và nợ của ông Lê Văn C số tiền 59.000.000 đồng dùng để chi tiêu trong gia đình.

Khi ly hôn, chị T và anh H tự thỏa thuận việc trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về người khác nợ lại*: Không có.

* *Đối với bị đơn anh Nguyễn Đệ H trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Anh H xác định lời trình bày của chị T về thời gian tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, việc không có đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân là đúng. Về mâu thuẫn trong thời gian chung sống, anh có nhậu nhưng ít và cũng có đánh chị T khoảng 2 đến 3 lần nhưng việc đánh nhau này cũng có một phần lỗi của chị T và chị T cũng có đánh lại anh. Nay anh H không đồng ý ly hôn với chị T vì vẫn còn tình cảm và một phần vì thương con.

- *Về con chung*: Anh H xác định lời trình bày của chị T về con chung là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì con có nguyện vọng sống với ai, người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- *Về tài sản chung*: Anh H xác định lời trình bày của chị T là đúng, nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác*: Anh xác định lời trình bày của chị T về việc có nợ Ngân hàng ĐA, chi nhánh thị xã GR tỉnh Bạc Liêu và nợ ông C là đúng. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh thống nhất tự thỏa thuận việc trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, người khác không có ai nợ lại anh chị.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ *Tại đơn từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 18/01/2018 ông Lê Văn C trình bày*: Ông C từ chối tham gia tố tụng. Về phần nợ của chị Lê Hồng T và anh Nguyễn Đệ H ông tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ *Ngân hàng ĐA chi nhánh thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu trình bày*: Ngân hàng TMCP ĐA-PGD Giá Rai không có thông tin về việc chị Lê Hồng T và anh Nguyễn

Đệ H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn C đứng tên để vay vốn tại Ngân hàng TMCP ĐA-PGD GR. Xét thấy Ngân hàng TMCP ĐA-PGD GR không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án tranh chấp ly hôn của chị Lê Hồng T và anh Nguyễn Đệ H và từ chối hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đệ H, ông Lê Văn C và Ngân hàng TMCP ĐA-PGD GR đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh H, ông C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Ngân hàng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H, ông C và ngân hàng ĐA.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Hồng T và anh Nguyễn Đệ H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị T có yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...*”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân chị T và anh H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Thịnh P, sinh ngày 27/11/2004 và Nguyễn Cường N, sinh ngày 09/02/2009. Chị T có yêu cầu nuôi hai con, anh H có ý kiến con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy tại các “*Biên bản V/v ghi ý kiến của con chung*” ngày 20/12/2017 và ngày 03/01/2018 tại Tòa án cháu Thịnh P có nguyện vọng xin được ở cha là Nguyễn Đệ H, cháu Cường N có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Lê Hồng T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Mặc khác, hiện tại cháu Nguyễn Thịnh P đã được anh H nuôi dưỡng ổn định nên giao cháu Thịnh P cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Cường N cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng: Chị T và anh H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh H tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác: Chị T và anh H xác định anh chị có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn C đứng tên cầm cố tại Ngân hàng ĐA chi nhánh thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu để vay số tiền 80.000.000 đồng và nợ của ông Lê Văn C số tiền 59.000.000 đồng. Chị T và anh H tự thỏa thuận việc trả nợ. Tuy nhiên, xét thấy ông C không khởi kiện yêu cầu chị Thơm và anh H trả nợ cho ông. Ngân hàng ĐA chi nhánh thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu không khởi kiện và xác định không có thông

tin về việc chị T và anh H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C đứng tên để vay. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét các khoản nợ nêu trên, trường hợp đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về người khác nợ lại: Chị T và anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chị Lê Hồng T và anh Nguyễn Đệ H là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu và Nguyễn Cường N (nam), sinh ngày 09/02/2009 cho chị Lê Hồng T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Thịnh P (nam), sinh ngày 27/11/2004 cho anh Nguyễn Đệ H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Chị Lê Hồng T và anh Nguyễn Đệ H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Hồng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ngày 17 tháng 11 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân thẩm tại biên lai số 0009353 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đàm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đàm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung